TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/**HNGĐ-ST
Ngày 27.3.2018
V/v*" Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Trương Thanh Vũ**

2. **Ông Võ Minh Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Thị Thúy Kiều**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú: Ấp DQ, xã HC, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 14, ấp SN, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt tại phiên tòa)*

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: Ấp DQ, xã HC, huyện U, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 18/01/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ph và ông Nguyễn Văn Kh chung sống với nhau từ năm 2014, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện U, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2014. Bà Ph và ông Kh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không thông cảm cho nhau nên không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Cả hai đã cố gắng sửa đổi, hàn gắn tình cảm để xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng tình cảm vẫn không thay đổi theo chiều hướng tích cực. Nay bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Bà Ph và ông Kh có 02 người con chung tên Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 24/10/2014, giới tính nam và Nguyễn Thiên Kim, sinh ngày 28/01/2016, giới tính nữ. Các con đang được ông Kh nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Ph yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên Kim, đồng ý để ông Kh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hải Đăng. Bà không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ph tự thỏa thuận với ông Kh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ph cho rằng giữa bà và ông Kh không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa Bị đơn ông Nguyễn Văn Kh trình bày:

Về hôn nhân: Ông Kh và bà Ph chung sống với nhau vào năm 2014, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện U, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên bà Ph tự ý bỏ nhà đi, ông nhắn tin khuyên trở về nhà nhưng bà Ph không về. Ông Kh đồng ý ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Ông Kh và bà Phấn có 02 người con chung tên Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 24/10/2014 và Nguyễn Thiên Kim, sinh ngày 28/01/2016. Ông Kh không đồng ý giao cháu Thiên Kim cho bà Ph nuôi dưỡng. Các con đang sống ổn định với ông Kh, nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con và không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Kh đồng ý tự thỏa thuận với bà Ph, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Kh và bà Ph không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Bà Ph cung cấp gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân; 01 sổ hộ khẩu gia đình; 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 02 Giấy khai sinh; 01 Đơn xin xác nhận nơi cư trú.

Ông Kh cung cấp gồm: 01 Bản tường trình ngày 06/02/2018.

Tại phiên tòa: Bà Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Kh đồng ý ly hôn với bà Ph. Nếu bà Ph có đủ điều kiện và muốn nuôi con thì ông đồng ý giao hai người con cho bà Ph nuôi dưỡng. Ngược lại ông Kh nhận nuôi dưỡng hai người con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Kh và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông Kh tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện U, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/7/2014. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông Kh là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Ph: HĐXX nhận thấy cuộc sống vợ chồng của bà Ph và ông Kh đã xảy ra mâu thuẫn, bà Ph bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Ông Kh có ý kiến vẫn còn thương bà Ph, muốn hàn gắn tình cảm nhưng bà Ph kiên quyết muốn ly hôn thì ông Kh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử đã động viên, hàn gắn tình cảm cho hai bên, nhưng bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng của bà Ph và ông Kh không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thống nhất chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông Kh.

[4] Về con chung: Ông Kh đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đăng và cháu Nguyễn Thiên Kim. Khi ly hôn bà Ph yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên Kim.

Ông Kh không đồng ý giao cháu Thiên Kim cho bà Ph nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung.

Bà Ph cho rằng, do xảy ra mâu thuẫn với ông Kh nên bà về nhà mẹ ruột sống. Đến tháng 9 năm 2017 ông Kh đem cháu Thiên Kim về Nội chơi khoảng vài tuần, nhưng đến nay không đem con trả cho bà. Hiện tại bà Ph đi làm thuê ở Thành Phố mỗi lần về có đến thăm con, nhưng đem cháu Thiên Kim về bên Ngoại chơi thì gia đình ông Kh không đồng ý.

Tại phiên tòa ông Kh có ý kiến nếu bà Ph có đủ điều kiện và muốn nuôi con thì ông đồng ý giao hai người con chung cho bà Ph nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng cho hai người con 1.500.000 đồng/tháng (một cháu 750.000đ) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu không thì ông Kh nhận nuôi hai người con chung và không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hoàn cảnh gia đình ông Kh cũng khó khăn, cha bị bệnh tai biến; bản thân ông Kh không có việc làm ổn định; thu nhập của ông Kh chỉ dựa vào 3,5 công đất nuôi Tôm của gia đình.

Bà Ph đồng ý nhận nuôi dưỡng hai người con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng của anh Khương cho các con. Theo lời khai của bà Ph, hiện nay bà đang làm công nhân tại công ty Giày Dép ở Đồng Nai, trừ chi phí sinh hoạt, nhà trọ thì mỗi tháng còn dư 5.500.000 đồng. Nếu giao con bà Ph nuôi thì mẹ ruột của bà lên Đồng Nai để giữ con cho bà đi làm.

Sau khi xem xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của hai bên, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai cháu Hải Đăng và Thiên Kim cho bà Ph nuôi dưỡng. Ông Kh cấp dưỡng cho hai người con chung 1.500.000 đồng/tháng.

Bà Ph và các thành viên gia đình không được cản trở ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Ph và ông Kh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Ph và ông Kh không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Ph phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Ông Kh phải chịu án án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đăng, sinh ngày 24/10/2014, giới tính nam và cháu Nguyễn Thiên Kim, sinh ngày 28/01/2016, giới tính nữ cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kh đang nuôi dưỡng cháu Hải Đăng và cháu Thiên Kim nên phải có trách nhiệm giao con chung lại cho bà Ph.

Ông Kh cấp dưỡng cho hai người con chung 1.500.000 đồng/tháng (một cháu 750.000đ). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/4/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bà Ph và các thành viên gia đình không được cản trở ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Ph và ông Kh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Ph và ông Kh không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm*:* Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006790, ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn Kh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Chính

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND huyện UMT;*
- *Chi cục THADS huyện UMT;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*